

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 3491/SXD-QLCLCT ngày 15 tháng 04 năm 2026 v/v tự công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ

Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

**1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**1.1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1702142310 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2018, đăng ký lần thứ 5 ngày 26/09/2025, Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh An Giang.

Địa chỉ : Lô C9, 27-28, Đường số 5, Khu Đô thị mới Lân Biên Tây Bắc, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang

Người đại diện pháp luật: LÊ QUANG TUẤN chức vụ : Giám đốc

Điện thoại: 02973785566

Email: [tuvancickg@gmail.com](mailto:tuvancickg@gmail.com)

Mã số thuế: 1702142310

Website: .....

**1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Cơ lý đất và Vật liệu xây dựng**

Địa chỉ: Lô C9, 27-28, Đường số 5, Khu Đô thị mới Lân Biên Tây Bắc, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang

Trưởng phòng: Ngô Kim Thạo

Điện thoại: 0982 871 833 Email: [tuvancickg@gmail.com](mailto:tuvancickg@gmail.com)

(Kế thừa năng lực, kinh nghiệm, nhân sự, thiết bị của Phòng thí nghiệm Cơ lý đất và Vật liệu xây dựng LAS-XD 361 do Bộ Xây Dựng cấp tại Giấy chứng nhận số 132/GCN-BXD ngày 09/05/2023)

**2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm**

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
I.	<b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC</b>		
1.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật 1g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...
2.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM136/C136M - 19; AASHTO T27 - 23; BS EN 933-1 : 2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$ , cân kỹ thuật 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ , Máy lắc sàng .
3.	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng (5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm), kính lúp,tủ sấy...
4.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C128 - 22; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22; BS EN 1097 -6 : 2022	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$ , bình hút ẩm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ , bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã nã, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm
5.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 AASHTO T85 - 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$ , giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ .
6.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29/C29M-23 ; AASHTO T19/T19M -22; BS EN 1097 -3:1998	Thùng đong, cân kỹ thuật 30kg/5g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ , thước lá kim loại.
7.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 - 19 ; ASHTO T255 - 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$ , tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ , hộp đựng mẫu.
8.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117-23, ASTM C142/C142M-23; AASHTO T112-23;	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$ , tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ , thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.

		BS EN 933-1:2012	
9.	Xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Bản màu chuẩn so sánh, ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.
10.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012 - 23	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu,
11.	Xác định độ nén đập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, xi lanh bằng thép dk 75mm, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 5mm;2.5mm;1,25mm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, thùng ngâm mẫu.
12.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535-16; AASHTO T96-22	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, máy quay mài mòn Los Angeles.
13.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-23; BS EN 933-3-12, BS EN 933-4-08, BS EN 933-5-22;	Cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C
14.	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	TCVN 8859:2023	Cân kỹ thuật 30kg ( 5g), bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy 300 <sup>0</sup> C (±1 oC), búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu.
<b>II. THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>			
15.	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tầm để, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
16.	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tầm để, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
17.	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-24; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tầm để, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm, đồng hồ bấm giây
18.	Xác định độ sụt của	TCVN 3106:2022;	Côn thử độ sụt + tầm để, que chọc bằng thép

	hỗn hợp bê tông	ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-23; BS EN 12350-2:2019	ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.
19.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-24; AASHTO T22M/T22-22; BS EN 12390-3:2019:	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải
<b>III. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG</b>			
20.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa
21.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, tỷ trọng kế, bếp cách cát.
22.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)
23.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C
24.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.
25.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23	Máy cắt một phẳng – Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang.
26.	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-20;	Máy nén lún (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng đồng hồ so

	trong phòng thí nghiệm	AASHTO T216-22	10mm (0,01mm), dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C), Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g)
27.	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C), bình hút ẩm.
28.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C), hộp nhôm
29.	Xác định đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khối của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22, AASHTO T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C), hộp nhôm
30.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cân kỹ thuật phân tích có độ chính xác d=0.0001g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C, cối đầm tiêu chuẩn, sàng 2.5mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây...
31.	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241-22; ISO 12236:2006	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN và đầu xuyên
32.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833/4833M-07(2020)	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN và đầu xuyên

IV. THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
33.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, 22TCN 02 :1971.	Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn
34.	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; 22TCN 346 :2006.	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn
35.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nệm đo khe hở, cọ quét
36.	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm
37.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm
38.	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M -18	Thiết bị súng bật nảy bê tông
39.	Cọc – phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143/D1143M-20	kích thủy lực 0÷2500kN; đồng hồ so 0÷100mm
40.	Đất xây dựng - phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395 - 17	Tấm ép phẳng 50x50cm, kích thủy lực 0÷1000kN, đồng hồ so 0÷100mm

41.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006,  TCVN 10303:2014;  ASTM C42/C42M-20	Máy nén hiệu TYA-300 300kN/0,01kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, máy khoan.
42.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012	Bộ thiết bị xuyên tiêu chuẩn SPT
43.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường FVT	ASTM D2573:94	Bộ thiết bị cắt cánh hiện trường

## 2.2. Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Tên thiết bị	Model	Số lượng	Xuất xứ	Đặc trưng kỹ thuật
<b>I</b>	<b>Các thiết bị thí nghiệm của vữa, xi măng</b>				
1	Khuôn (5x5x5) cm		5	TQ	
2	Thiết bị đo độ co ngót của xi măng		1	TQ	Đồng hồ đo giãn nở độ chính xác 0,001mm
3	Khuôn (4 x 4 x 16)		5	TQ	
4	Máy nén , uôn TYA-300	TYA300	1	TQ	100KN
5	Bộ kim vika		1	TQ	
6	Bộ gá nén, uôn mẫu xi măng, vữa		1	TQ	
7	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn		1	TQ	
<b>II</b>	<b>Bê tông và hỗn hợp bê tông</b>				
8	Máy nén bê tông TYA-2000	TYA-2000	1	TQ	2000KN
9	Bộ đo thí nghiệm độ sụt		1	VN	
10	Máy khoan bê tông		01	TQ	
11	Súng bột nẩy	ZC3-A	01	TQ	
	Máy cắt bàn		01	VN	
<b>III</b>	<b>Cốt liệu cho bê tông và vữa</b>				
12	Máy mài mòn Los Angeles		1	TQ	
13	Thiết bị xác định tạp chất hữu cơ		15	TQ	
14	Thước đo hạt thoi dẹt		02	VN	
15	Xi lanh thử nén đập	D75, D150	2	VN	
16	Thùng thử lượng bùn sét đá, cát		6	TQ	
17	Thùng định lượng tiêu chuẩn		6	VN	
18	Bộ sàng cát D200		1	TQ	
19	Bộ sàng đá D300		1	TQ	
20	Bảng so màu		1	TQ	
<b>IV</b>	<b>Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng</b>				

STT	Tên thiết bị	Model	Số lượng	Xuất xứ	Đặc trưng kỹ thuật
21	Cối chày sứ có đầu bọc cao su		2	TQ	
22	Cối chày đồng		2	TQ	
23	Dụng cụ casagrande		1	Mỹ	
24	Tủ sấy		1	Mỹ	
25	Cân đĩa		02	Mỹ	
26	Bộ thiết bị chày, dèo		02	Mỹ	
27	Dao vòng		40	TQ	
28	Tỷ trọng kế		02	TQ	
29	Máy cắt phẳng		01	TQ	
30	Bàn nén tam liên		03	TQ	
31	Cối chày đầm tiêu chuẩn		01	TQ	
32	Cối chày đầm cải tiến		01	TQ	
33	Hộp lấy mẫu lớn, nhỏ		150	VN	
34	Khay đựng mẫu		04	VN	
35	Thùng rửa mẫu		01	VN	
36	Bình tỷ trọng kế 100ml		20	VN	
37	Ống đong 250 ml		02	VN	
38	Ống đong 1000ml		20	VN	
39	Bình tỷ trọng kế 250ml		10	VN	
40	Cân Kỹ thuật (cơ )		3	Mỹ	
41	Bộ sàng tiêu chuẩn		01	Mỹ	
42	Bộ đo nhiệt kế		05	TQ	
43	Ống đong 100ml		02	TQ	
44	Máy hút âm		01	TQ	
45	Bình đong 500ml		05	TQ	
<b>VII</b>	<b>Thí nghiệm hiện trường</b>				
46	Máy khoan địa chất XY-1A		02	TQ	
47	Giàn thử tải đất nền		01	VN	
48	Bộ thí nghiệm dao dai		02	TQ	
49	Bộ thí nghiệm rót cát		02	TQ	
50	Thước 3m đo độ bằng phẳng		01	TQ	
51	Kích thủy lực 20 tấn		02	TQ	
52	Đồng hồ đo biến dạng		10	TQ	
53	Tấm ép cứng đường kính 76cm		01	TQ	
54	Bộ cần Benkelman		01	TQ	
55	Bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)		02	TQ	
56	Bộ thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FV)		01	TQ	
57	Kích thủy lực 200T + hệ dầm, giá...		02	TQ	
58	Đồng hồ chuyên vị		08	TQ	
59	Súng bột nẩy kiểm tra cường độ bê tông hiện trường		01	TQ	

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm thước, thiết bị đo lường dung tích ... và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác.

- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt.

- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn đúng quy định.

**2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên**

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên công tác
1	2	3	4	5
1	Ngô Kim Thọ	Kỹ sư địa chất Chứng chỉ QL PTN Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (Khảo sát địa chất công trình), chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của Đất	Trưởng phòng thí nghiệm	28 năm
2	Nguyễn Hữu Chí	Kỹ sư xây dựng, Trung cấp địa chất Chứng chỉ QL PTN Chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường Chứng chỉ khảo sát địa hình, địa chất Chứng chỉ TNV trong phòng và ngoài hiện trường Chứng chỉ Thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	Thí Nghiệm viên	25 năm
3	Hoàng Trung Kiên	Kỹ sư xây dựng Chứng chỉ QL PTN Chứng chỉ thí nghiệm về Không phá hủy (thuộc đề án " Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở	Thí nghiệm viên	22 năm

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên công tác
		Việt Nam” Chứng chỉ Thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng		
4	Đình Văn Tuấn	Trung cấp Cầu Đường Chứng chỉ thí nghiệm về Không phá hủy (thuộc đề án “ Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông Chứng chỉ thí nghiệm về Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên	25 năm

3. Tất cả các nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: .....

Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Web: .....
- Sở xây dựng tỉnh An Giang
- Lưu VT

